

# Bùi Thụy Đào Nguyên

## Tổng đốc Hoàng Diệu

### Phần 1

Hà Nội Chánh khí ca :

Tổng đốc Hoàng Diệu.

(Phần I)

“Ông ngoại tôi (Hoàng Diệu) làm đến Tổng đốc Hà Nội mà không có tiền lợp nóc cái nhà của ông bà để lại đã tróc ngói...”

Phan Khôi

I.Tóm tắt tiểu sử:

Hoàng Diệu tên chữ là Kim Tích, tự Quang Viễn, hiệu Tĩnh Trai, sinh ngày 10-2 năm Kỷ Sửu (tức ngày 5-3-1829) tại làng Xuân Đài, nay thuộc xã Điện Quang, vùng Gò Nổi, Điện Bàn. Ông là một trong các nhà khoa bảng yêu nước ở quê hương đất Quảng.

Gia đình xuất thân nhà nông và theo nho học. Ông thân sinh là Hoàng Văn Cự làm hương chức, qua đời năm 54 tuổi. Bà thân mẫu Phạm Thị Khuê thọ 88 tuổi, tần tảo làm ruộng và chăn tằm, nuôi dạy con cái. Gia đình có 11 người con, 8 trai, 3 gái. Gần xa trong tỉnh, anh em Hoàng Diệu nổi tiếng hiếu học và học giỏi. Lớn lên 6 người đỗ đạt: một phó bảng, 3 cử nhân và 2 tú tài.

Khoa thi hương tại Thừa Thiên năm 1848, Hoàng Kim Giám, 23 tuổi và Hoàng Kim Tích, tức Hoàng Diệu, 20 tuổi cùng đỗ cử nhân. Hoàng Kim Giám không ra làm quan, qua đời năm 34 tuổi. Hoàng Diệu, 25 tuổi thi đình (1853) đỗ phó bảng.

Hoàng Diệu được đánh giá là một vị quan thanh liêm chính trực, vì nước vì dân, rất được vua Tự Đức tin dùng. Suốt 30 năm làm quan nhiều nơi, cảnh nhà vẫn thanh bạch, nghèo túng. Tuy nhiên, tại các nơi ông cai quản trật tự xã hội rất nghiêm minh, không có tình trạng trộm cướp, áp bức dân lành. Vua Tự Đức đã khen Hoàng Diệu rằng: "Chăm lo cho dân Bắc Hà, ngoài Hoàng Diệu ra không ai hơn"..

Trên các bước đường làm quan, theo Đại Nam chính biên liệt truyện, Hoàng Diệu "tính tình cương trực, thanh liêm, lâm sự quyết đoán, có phong độ bậc đại thần".

\*(Muốn biết tiểu sử chi tiết của ông, xin bạn đọc tìm trong Tự điển Wikipedia tiếng Việt)

### II.Thành Hà Nội thất thủ lần thứ hai(1882)

Đầu năm 1880, Hoàng Diệu nhận chức tổng đốc Hà Ninh kiêm trông coi công việc thương chánh.Biết rõ dã tâm xâm lược của thực dân Pháp lúc bấy giờ, Hoàng Diệu bắt tay ngay vào việc chuẩn bị chiến đấu, kinh lý, biên phòng.Năm 1882 thấy binh thuyền nước Pháp tự nhiên ra Bắc, ông làm nghi kỵ lắm. Một mặt ông phái Tuần Phủ Hoàng Hữu Xứng ra tiếp, mặt khác ông lo chỉnh đốn lại thành trì và quân ngũ đề phòng. Lấy cớ ta không tôn trọng hiệp ước năm 1874 mà lại đi giao thiệp với Trung Hoa, dung túng quân Cờ Đen ngăn trở việc giao thông trên sông Hồng Hà và cấm đạo, Thống Đốc Hải Quân Pháp, Đại tá Henri Rivière cho mấy tàu chiến cùng 4000 quân ra đóng tại Đồn Thủy (trên bờ sông Hồng Hà phía Đông nằm sát Hà Nội) và cho quân lính đi hoành hành

phá rối và hăm dọa trên các đường phố.

Trước đó ông Hoàng Diệu đã dâng sớ lên Vua Tự Đức đề nghị việc phòng chống giặc, vì theo ông Hà Nội là yết hầu của Bắc Kỳ và cũng là nơi then chốt của nước ta. Nếu Hà Nội mất thì các tỉnh khác sẽ mất theo, nhưng Vua Tự Đức làm thinh. Đến khi Hà Nội bị uy hiếp, ông Hoàng Diệu một mặt xin triều đình Huế viện binh, một mặt ra lệnh giới nghiêm và thông báo các tỉnh đề phòng. Trong khi Hà Nội ở trong tình thế dầu sôi lửa bỏng thì phái chủ bại ở triều đình Huế đề nghị mở cửa thành cho quân Pháp ra vào tự do và triệt binh để người Pháp khỏi nghi ngờ. Ngay cả Vua Tự Đức cũng hạ chiếu quở trách ông đã đem binh dọa giặc và chế ngự sai đường.

Nhưng ông Hoàng Diệu đã quyết tâm sống chết với thành. Các quan xung quanh ông Hoàng Diệu lúc bấy giờ có Tuần Phủ Hoàng Hữu Xung, Đề Đốc Lê Văn Trinh, Bố Chánh Phan Văn Tuyên, Án Sát Tôn Thất Bá, và lãnh binh Lê Trực đã cùng nhau uống rượu hòa máu tỏ quyết tâm sống chết với thành.

Rạng ngày 25 tháng 4 năm 1882, tức ngày mùng 8 tháng 3 năm Nhâm Ngọ, Henri Rivière sai thông dịch viên đưa tối hậu thư vào thành cho ông Hoàng Diệu, buộc ông phải cho quân lính rời khỏi thành sau khi hạ hết khí giới và mở cửa thành, ông cùng các quan phải ra nộp mình cho hắn. Theo bản Correspondance politique du Commanant Henri Riviere au Tonkin của André Masson thì Henri Riviere buộc "Đúng 8 giờ sáng ngài phải thân hành đến dinh tôi hàng phục, có mặt đông đủ các quan Tuần Phủ, Bố Chánh, Án sát, Đề Đốc, Chánh, Phó Lãnh Binh. Nếu đúng 8 giờ, Ngài và toàn thể thuộc viên của Ngài không đến Lãnh sự quán để tỏ vẻ chấp thuận những điều kiện của tôi, thì quân đội của tôi lập tức tấn công vào thành..."

Henri Rivière không chờ thư trả lời, cho tàu chiến bắn vào thành rồi cho quân tiến lên. Tôn Thất Bá xin ra ngoài thành để giao thiệp với địch một lần cuối. Bắn thang leo ra khỏi thành, Bá liền cho giặc biết cách bố trí của ta để giặc nổ súng. Rồi một mặt Bá dâng sớ lên Vua Tự Đức đổ tội cho Hoàng Diệu, một mặt xin với giặc cho Bá thay làm Tổng Đốc Hà Ninh. Một trận kịch chiến xảy ra từ sáng đến trưa. Quân ta dưới quyền chỉ huy của ông Hoàng Diệu đã anh dũng chiến đấu giết hàng trăm tên giặc.

Cuộc chiến đấu diễn ra ác liệt gây cho địch nhiều thiệt hại, thì thành linh kho thuốc súng nổ, lửa bốc cháy ngùn ngụt. Đám cháy càng lan rộng, hàng ngũ chiến đấu càng hoang mang, quân giặc thừa cơ bắt thang treo vào, phá cổng thành phía tây rồi ồ ạt kéo vào như nước chảy. Bố Chánh Phan Văn Tuyên thấy thành lâm nguy bỏ chạy trước; Đề Đốc Lê Văn Trinh giả vờ tự tử; Phó Lãnh Binh Lê Trực ở cửa tây cũng tháo lui; Tuần Phủ Hoàng Hữu Xung bị Pháp bắt, nhin ăn mấy bữa rồi ăn lại như thường. Duy chỉ có Thủy Sư Đề Đốc Nguyễn Đình Kháng liều chết cố thủ ở cửa thành phía nam cho đến giây phút cuối cùng.

Riêng ông Hoàng Diệu tuy thế cô nhưng không bao giờ nao núng trước làn súng đạn tuôn như mưa bão, trước những tiếng vang rền như sấm động, trước cảnh tàn khốc của một kinh thành sắp mất, ông vẫn hăng hái tiến lên cùng với toán quân còn lại xông xáo chém giết quân thù. Sau một cuộc chiến đấu nhưng vô vọng, quân ta dần tan rã. Trong vòng khói lửa ngợp trời ấy, ông Hoàng Diệu đi về dinh, nai nịt gọn gàng, mặc chiếc áo the thâm, tấm khăn nhiễu xanh chít lên đầu, và dải dây lưng nhiễu hồng thắt ra áo ngoài, tay cầm thanh kiếm tuốt trần, rồi lên mình voi xông trong mưa đạn tiến vào thành cung. Tại đây ông truyền lệnh: "Ai muốn về kinh thì về, còn ai muốn chiến đấu nữa thì lên Sơn Tây tập hợp với đại binh của Hoàng Kế Viêm chờ ngày báo phục".

Khi mọi người giải tán, ông vào dinh viết bài di biểu tạ tội, rồi quay ra đi thẳng đến cửa Võ Miếu lật chiếc khăn đang bịt trên đầu treo mình lên cành cây trước Miếu mà tuần tiết đúng vào giờ Ngọ, tức ngày 25 tháng 4 năm 1882. Ông thọ 54 tuổi.

III. Ai ai cũng ca ngợi khí tiết của Hoàng Diệu:

Mặc dầu Vua Tự Đức đã làm chậm trễ cho việc chuẩn bị kháng chiến vì đã nghe theo lời một số quan lại chủ bại tại triều đình Huế. Ông Hoàng Diệu vẫn quyết tâm bảo vệ thành trì và chết theo

thành . Bài Chính Khí Ca của ông Nguyễn Văn Giai (Ba Giai) đã diễn tả cái thể quyết tâm bảo vệ thành trì của quân dân trong thành . Nếu có viện binh kịp thời và không có bàn tay phản động đốt kho súng và chỉ điểm cho giặc của một số người phản bội, thì thành Hà Nội chưa dễ gì bị hạ mau chóng .

Trước cái chết khí tiết của Hoàng Diệu, các giới sĩ phu, văn thân và nhân dân Bắc Hà và cả nước khâm phục thương tiếc . Tôn Thất Thuyết, một đại biểu nổi tiếng của sĩ phu kiên quyết chống Pháp đã ca ngợi ông Hoàng Diệu trong hai câu đối:

"Nhất cử thành danh, tự cổ anh hùng phi sở nguyện  
Bình sanh trung nghĩa, đương niên đại cuộc khởi vô tâm"

Dịch:

"Một chết đã thành danh, đâu phải anh hùng từng nguyện trước  
Bình sanh trung nghĩa, đương trường đại cuộc tất lưu tâm ."

Trong bài Chính Khí Ca, Ba Giai đã hết lòng khen ngợi và thương tiếc Ngài qua các câu thơ:

"Chữ trung còn chút con con

Quyết đem gởi cái tàn hồn gốc cây

Trời cao, bể rộng, đất dày

Núi Nùng, Sông Nhị chôn này mà ghi

Vua Tự Đức mặc dầu không ủng hộ ông Hoàng Diệu trong việc chống đối với quân Pháp tại thành Hà Nội, vẫn phải hạ chiếu khen ông Hoàng Diệu đã tận trung tử tiết, sai quân tỉnh Quảng Nam làm lễ quốc táng . Sĩ phu Hà Thành lập đền thờ ông ở phố Văn Tân, sau thờ chung với ông Nguyễn Trí Phương trong đền Trung Liệt trên gò Đống Đa với đôi câu đối:

"Thử thành quách, thử giang sơn

Bách chiến phong trần dư xích địa

Vi nhật tinh, vi hà nhạc

Thập niên tâm sự vọng thanh thiên"

Dịch: Kia thành quách, kia non sông, trăm trận phong trần còn thước đất. Là trời sao, là sông núi, mười năm tâm sự với trời xanh

Cụ (...) có bài thơ điệu Hoàng Diệu, ghi lại trong Lịch sử vua quan nhà Nguyễn của Phạm Khắc Hòe

Tay đã cầm bút lại cầm binh

Muôn dặm giang sơn nặng một mình

Thờ chúa, chúa lo, lo với chúa

Giữ thành, thành mất, mất theo thành

Suối vàng ắt hẳn mài gương bạc

Lòng đỏ thôi đành gửi sử xanh

Di biểu nay còn soi chính khí

Khiến người thêm trọng bút khoa danh

Người Hà Nội vô cùng đau đớn trước cái chết của ông, ngay hôm sau, nhiều người họp lại, sắm sửa mâm nệm tử tế, rước quan tài của Hoàng Diệu từ trong thành ra, tổ chức khâm liệm và mai táng tại khu vườn Dinh Độc học (nay là địa điểm khách sạn Royal Star ở đường Trần Quý Cáp cạnh chợ Ngô Sĩ Liên, sau ga Hà Nội).

Hơn một tháng sau hai người con trai ông ra Hà Nội lo liệu đưa thi hài thân sinh về an táng ở quê quán vào mùa thu năm ấy.

Khu lăng mộ Hoàng Diệu, theo quyết định ngày 25 tháng 1 năm 1994 của Bộ Văn hóa Thông tin, được công nhận là một di tích lịch sử - văn hóa của Việt Nam.

VI. Thêm vài tài liệu liên quan:

1/Về tấm bia Lệnh cấm trừ tệ : Hoàng Diệu quan tâm ổn định đời sống của dân chúng trong công bằng và trật tự. Ngày nay, ở Ô Quan Chưởng, đầu phố Hàng Chiếu, còn áp ở mặt tường cổng ra vào

một phần tấm bia Lệnh cấm trừ tề (Thân cấm khu tề), niêm yết năm 1881, của Tổng đốc Hà Ninh Hoàng Diệu và Tuần phủ Hà Nội Hoàng Hữu Xứng, nhằm ngăn chặn các tề những nhiễu đối với nhân dân trong các dịp ma chay, cưới xin cũng như nạn vò tiền, cướp bóc trên sông và ở các chợ, kèm theo các quy định cụ thể cần thi hành đến nơi đến chốn. Một di tích quý hiếm nói lên tấm lòng ưu ái của người công bộc mãi mãi còn giá trị của nó.

2/Di biểu của Hoàng Diệu trước khi tuấn tiết :

“...Tôi sức học rất thường được dùng quá lớn ,mang ơn phó thác trọng trấn một phương .Giữa lúc giặc giã lung tung ba cõi , một kẻ học trò việc biên vốn chưa thuộc thông .10 năm thương ước lòng địch vẫn khó tin .Từ lúc tôi vâng lệnh vua ra trấn phủ Hà Nội đến nay ba năm vẫn lo rèn tập giáp binh ,sửa soạn thành lũy ; không những ở yên bờ cõi, mà còn phải phòng ngừa lũ hàm heo.

Nào ngờ chim chóc còn đang lột ổ, muôn thú đã dậy lòng tham Ngày 1thang hai năm ấy, thấy tàu nước Phú -Lăng tấp nập kéo tới phần nhiều đậu ở đây .Binh họ đến phương xa, dân mình thấy mà lo ngại .Tôi trộm nghĩ Hà thành là đất hòng của xứ Bắc, tức là nơi trọng yếu của nước ta, nếu như một may thành này chẳng may sụp đổ như núi lở, thì các tỉnh lân lượt vỡ như ngói tan .Vì thế mà tôi lo sợ khẩn cấp tư giấy đi các tỉnh lân cận, một mặt dâng sớ về triều đình cầu viện, nhưng mà mấy lần tiếp được chiếu thư gửi ra, khi thì trách tôi lấy việc binh ra hăm dọa , khi thì quở tôi phòng quân địch không phải đường .

Tôi tự xét không quyền chế, quan to dám đâu lia chức ra đi ; răn mình theo đạo cớ nhân , lòng trung chỉ biết thờ vua một dạ .

Thường ngày tôi cùng hai người có chức vụ ,bàn soạn công việc, có người bàn nên mở cửa thành cho họ tự do ra vào, có người khuyên phải triệt binh để họ hết điều ngờ vực .Tôi nghĩ dù cho thịt nát xương mòn cũng cam không nỡ lòng nào làm những việc như thế cho được .

Giữa lúc ra thu xếp chưa địch ra sao, thì họ đã trái lời giao kết ngày trước .Ngày hôm mùng 7, họ đưa chiến thư, sáng hôm sau họ tiến quan đánh thắng.

Quân địch bu như kiến cỏ, súng tây nổ như sấm vang

Ngoài phố cháy lây trong thành khiếp vía .

Tôi tuy mới đau dậy, cũng cố gượng cầm binh, treo gương xông pha ,trước hàng tướng sĩ.Bắn chết quân địch hơn trăm, cố giữ thành trì nửa buổi .

Nhưng mà họ mạnh ta yếu, viện tuyệt, thế cùng, tướng võ sợ địch bỏ chạy tứ tung, quan văn thấy nguy đua nhau đào tẩu .Tắc lòng tôi đau như dao cắt , một tay mình khó nổi chống ngăn .Làm tướng muốn không phải tài, than thân sống thật vô ích .

Mất thành mà chẳng thể cứu ,nghĩ mình tội chết có thừa. Thoát lấy thân hòng chuyển báo phục mai sau ,đầu dăm đeo gương Tào Mạt; thà rằng chết để bù trách nhiệm hiện tại chỉ còn bắt trước Trương Tuần

Nào dám khoe khoang gì đâu, chẳng qua vì thế sự khiến vậy

Để cho đất nước mất về quân địch, luống thẹn với sĩ phu đất Bắc ở trần gian; thôi thì lòng riêng nguyện với thành trì, xin theo gót tiên liệt Nguyễn Tri Phương nơi chín suối

Vài hàng lệ máu, muôn dặm quân vương, xin đem ánh sáng của mặt trời ,mặt trăng soi thấu lòng tôi vậy .”

3.Về cây đa nơi Hoàng Diệu tuấn tiết: Vào khoảng bốn mươi năm trước ,mỗi khi đi lên đường cột cờ nếu ai chủ ý nhìn về trước mặt, phía trên sở tại chính bây giờ, cũng trong thấy một cây cổ thụ ,cành lá đã héo khô ,chỉ còn trơ lại cái thân cây cằn cỗi , một mình đứng trơ trọi trên bãi đất hoang ,theo lời những người có tuổi thường biết mà đó là cái cây của Tổng đốc Hà Nội Hoàng Diệu đã treo cổ tự tử ngày mùng tám tháng ba năm nhâm ngọ .

Không bao lâu thành phố mở mang khu đất ấy, cây cổ thụ kia chẳng biết đồn từ khi nào không ai trông thấy nữa, một vật vô cùng đã được làm dấu củ để chỉ tỏ cho người sau biết tấm lòng hi sinh vì nước của một vĩ nhân và sự thay đổi của một thời đại đã qua ,chẳng được người sau che chở hộ trì ,đã bị may một đập vùi, thực là đáng tiếc

Không biết ông Hoàng có quả đã mượn cây ấy để chết theo nạn nước không ,tôi cũng không chắc, nhưng chứng các sách đã ghi chép lại sự biến hồi đó cũng điều nói là ông treo cổ tuấn tiết ở một cái

cây gậy Võ miếu hay miếu thờ Quan Công và do sự nhận xét chỗ của ông tuần tiết dù dấu cũ không còn ,cũng có thể nói quyết là giới hạn cũng trong bãi đó mà thôi.  
(Theo tài liệu của Doãn Kế Thiện trong sách Hà Nội cũ)

## Phần 2

### Thành cổ Hà Nội

V.Một bài vận văn rất có giá trị về lịch sử:

#### Hà Nội Chánh khí ca

Trước khi Văn Thiên Tường chết theo nhà Tống, có đặt một bài ca gọi là Chánh khí ca, kể sự mình giúp vua nhà Tống không thành công và phải chết, chứ không chịu hàng nhà Nguyên. Hà Nội Chánh khí ca là do nghĩa đó và nói việc xảy ra ở Hà Nội.

Bài này, theo người ta nói, của ông Ba Giai là một nhà văn sĩ ở Hà Nội lúc bấy giờ làm ra.

Một bài văn đã hay lại có quan hệ nhiều về lịch sử, mà xưa nay chưa được in ra, thì chắc truyền không được rộng, và có ngày sẽ mất đi, là ngày nếu người ta quên nó ráo. Vì nghĩ như vậy chúng tôi mới đem đăng báo để truyền lại cho đời sau một cái sử liệu.

Một vùng chánh khí lưu bình,  
Rộng trong trời đất, nhứt tinh sơn hà,  
Hạo nhiên ở tại người ta,  
Tắc vuông sơn sắt hiện ra khi cùng.(1)  
Nên thua theo vận truân phong,  
Ngàn thu rặng tiếng anh hùng sử xanh.  
Có quan tổng đốc Hà Ninh  
Hiệu là Quang Viễn, trung trinh ai bằng? (2)  
Lâm nguy, lý hiểm đã từng,  
Vâng ra trọng trấn mới chừng ba năm.  
Thôn hồ dạ những chăm chăm,  
Ngoài tuy giao thiệp, trong căm những là...  
Vừa năm Nhâm Ngọ, tháng ba,  
Rạng ngày mồng tám, mới qua giờ thìn,  
Biết cơ trước đã giữ gìn,  
Hơn trăm võ sĩ, vài nghìn tinh binh.(3)  
Tiên nghiêm lên đóng trên thành,  
Thệ sư (4) rót chén rượu quỳnh đầy vơi.  
Văn quan võ tướng nghe lời,  
Ai ai xin quyết một bài tận trung.  
Ra uy xuống lệnh vừa xong,  
Bỗng nghe ngoài đã ùng ùng pháo ran.  
(Tòa kiểm duyệt thời 1928 cắt bỏ hết một đoạn)  
Bắn ra nó chết cũng nhiều(5)  
Phổ phường trông thấy, tiếng reo âm âm!  
Quan quân đặc chí bình tâm,  
Trên thành Cửa Bắc vẫn cầm vững binh.(6)  
(Tòa kiểm duyệt thời 1928 cắt bỏ hết một đoạn)

Không ngờ thất ý tại ta,  
Vẫn rằng thắng trận, hóa mà thua cơ!  
Nội công phải những bao giờ,  
Thấy kho thuốc cháy, ngọn cờ ngã theo (7)  
Quan quân sát khí cũng nhiều,  
Thành tây loài quỷ đánh liều trèo lên .  
Nào ai sức mạnh gan liền?  
Nào ai cầm vững cho bền ba quân?  
Nào ai có chí kinh luân?  
Nào ai nghĩ đến thánh quân trên đầu?  
Một cơn gió thảm mưa sầu,  
Đốt nung gan sắt, giải dầu lòng son,  
Chữ trung còn chút con con,  
Quyết đem gởi cái tàn hồn gốc cây.(9)  
Trời cao, biển rộng, đất dày,  
Non Nùng sông Nhị chôn nây làm ghi!  
Than ôi trong lúc gian nguy!  
Đau lòng ai cũng thương vì người trung!  
Rủ nhau tiền góp của chung,  
Rước người ra táng ở trong học đường.(10)  
Đau đớn nhẽ! ngăn ngở đường!  
Tả toi thành quách, tội tàn cỏ hoa!  
Kể từ năm Dậu bao xa,(11)  
Đến nay tính đốt phòng đà mười niên.  
Long thành thất thủ hai phen,  
Kho tàng hết sạch, quân quyền dời tan.  
Đổi thay trải mấy ông quan,  
Quyên sanh tự nghĩa, có gan mấy người?  
Trước, quan Võ Hiền khâm sai (12)  
Sau, quan Tổng đốc một vài mà thôi.  
Ngoài ra võ giáp văn khôi,  
Quan bào trăm hốt nhác coi ngỡ là...  
Thanh bình làm hại dân ta,  
Túi tham vợ nhật chẳng tha miếng gì.  
Đến khi hoạn nạn gian nguy,  
Mắt trông ngơ ngác, chơ đi gập ghình.  
Võ, như đề đốc Lê Trinh,  
Cùng là chánh phó lãnh binh một đoàn,  
Đương khi giao chiến ngang tàng,  
Thấy quân hầu đồ vội vàng chạy ngay.  
Nghĩ xem thật cũng ghê thay,  
Bảo thân chước ấy ai bày sẵn cho?  
Thế mà nghe nói mò hồ  
Rằng: quan đề đốc xuống hồ cửa tây;  
Kể rằng: Treo ở cành cây  
Người rằng: hắt xuống giếng nầy không sai.  
Thăm tìm ngày một ngày hai,  
Định rằng hiệp táng cùng nơi học đường.  
Hỏi ra sau mới biết tường,  
Cũng loài úy tử, cũng phường tham sanh.  
Phép công nên tội đào chình,  
Rồi ra nặng túi nhơn tình lại thôi (13)

Vẫn như Tuần vũ nức cười,  
Bình Chi là hiệu, năm mươi tuổi già (14)  
Biết bao cơm áo nước nhà?  
Nhắm trong sử tịch cũng là đại viên.  
Chén son chưa cạn lời nguyên,  
Nữ nào bỗng chốc quên liền ngay đi? (15)  
Lại còn lần khuất làm chi?  
Hay là tham tiếc mùi gì ở đây?  
Hay là còn chước bình Tây,  
Chực làm nội ứng, đợi ngày viện binh?  
Hay là tiếc gái xuân xanh? (16)  
Hay là còn chút khuê hình từ thân (17)  
Ngón ngang tính nổi xa gần,  
Rắp toan tịch cốc mấy lần lại thôi. (18)  
Sao không sợ tiếng với đời?  
Sao không then với chế đài tuyên cung (19)  
Kìa Tôn Thất Bá niết công, (20)  
Kim chi ngọc diệp, vốn dòng tôn nhân,  
Đã quốc tộc, lại vương thần,  
Sao không nghĩ đến quân thân, nhưng mà.....  
Nước non vẫn nước non nhà,  
Nữ nào để mất một tòa Thăng Long?  
Thế xưa liệu đã chẳng xong,  
Lại còn mở mặt trong vòng trần gian!  
Tư giao sắp những mưu gian,  
Thừa cơ xin chữ hội thương ra ngoài (21)  
Ấy mới khôn, ấy mới tài,  
Lần đi tránh tiếng, giục người tiến chinh.  
Dâng công quyền nhận tỉnh thành,  
Xui người đồ tiếng một mình quan trên.(22)  
Tội danh thiệt đã quả nhiên,  
Xin đem giao xuống cứu nguyên chế đài  
Thung dung kể đến phiên đài(23)  
Xỉ ban cũng đã tuổi ngoài sáu mươi.  
Thác trong thời cũng nên đời.  
Sống thừa chi để kẻ cười người chê?  
Nhĩ mi Tản lãnh đi về,(24)  
Giang sơn tuyết chở, sương che cũng liều!  
Còn như ty thuộc hạ liêu,  
Kẻ công người quả còn nhiều chan chan,  
Biết đâu cho hết mà bàn,  
Sau này sẽ có sử quan phẩm bình,  
Trước rèm gió mát trăng thanh(25)  
Thừa lương có chốn nhàn đình thông dong.

Xa trông chót vót Bình phong(26)  
Chúc mừng vạn thọ thánh cung lâu dài!  
Rồi khi cá nước duyên hải,  
Ra tay khương tế, giờ tài kinh luân.  
Nghieu Thuần quân, Nghieu Thuần dân,  
Bát thiên thu, bát thiên xuân thái hòa!  
Bây giờ ta gắn với ta,

Túy tình khiến hứng, ngâm nga tiêu sầu.  
Ở đời văn võ công hầu,  
Càng nghe câu chuyện càng sâu bên tai!  
Diễn nôm Chánh khí một bài,  
Để cho thiên hạ người người khuyên răn(\*).

#### Chú thích

- (1) Đây nhắc lên lấy đại ý trong bài Chánh khí ca của Văn Thiên Tường.
- (2) Cụ họ Hoàng tên là Diệu, tự là Quang Viễn, người làng Xuân Đài tỉnh Quảng Nam, có đậu cử nhân và phó bảng.
- (3) Tháng hai năm ấy, đại tá Henri Rivière đem hai chiếc tàu và mấy trăm lính ở Sài Gòn ra Hải Phòng, rồi lên Hà Nội, đóng ở Đồn Thủy. Cụ Tổng đốc thấy vậy thì sửa sang thành trì để phòng bị. Đại tá không ưng. Ngày mùng 8, lúc 5 giờ sáng, đưa tối hậu thư, hẹn đến 8 giờ không đầu thì đánh.
- (4) Nghĩa là thề với quân lính.....
- (5) Có người đã chứng kiến trong khi giao chiến, nói rằng bấy giờ trong thành bắn ra, lính Pháp chẳng chết mấy; đây là lời nói khoe đó thôi.
- (6) Bấy giờ bốn ông quan tỉnh chia giữ bốn cửa, quan Tổng đốc giữ Cửa Bắc.
- (7) Hai bên giao chiến từ 8 giờ đến 11 giờ thì kho thuốc súng trong thành phát hoả, quân lính rối loạn, bèn đổ chạy. Theo đây thì như có người làm nội công, đốt kho thuốc; song không phải, đó là lửa ngoài bắn vào.
- (8) Quân Pháp leo vào thành từ phía tây.
- (9) Cụ Tổng đốc Hoàng cỡi giầy thắt lưng bằng nhiều điều ra tự ái trên hành cây táo trước mặt Võ Miếu.
- (10) Bấy giờ quyền táng ngài trong trường Đốc; sau đó ba tháng mới đưa quan tài về Quảng Nam.
- (11) Năm Tân Dậu, Tự Đức thứ 25 (1873), Hà Nội bị thất thủ một lần rồi, lần này là lần thứ hai.
- (12) Tức là cụ Nguyễn Tri Phương uống thuốc độc mà chết theo thành Hà Nội thất thủ lần thứ nhất.
- (13) Đoạn này nói Đề đốc Lê Trình không chết trong khi thành mất mà lại chạy trốn, theo phép phải có tội, song vì đứt tiền thì được khỏi.
- (14) Hoàng Hữu Xứng, tự Bình Chi, làm Tuần vũ Hà Nội bấy giờ.
- (15) Bữa chiều mùng bảy, các quan có uống rượu mà thề cùng nhau sẽ lấy chết giữ thành.
- (16) Ông này mới vừa cưới hầu non thì gặp giặc.
- (17) Ông còn mẹ già.
- (18) Hoàng Hữu Xứng đã nhịn đói mấy ngày, sau ăn trở lại.
- (19) Chế đài là Tổng đốc; tuyền cung là âm phủ.
- (20) Tôn Thất Bá làm Án sát bấy giờ.
- (21) Buổi sớm mai ngày mùng tám, quân Pháp mới kéo đến, ông Bá xin giấy ra thành để thương thuyết với tướng Pháp xin hoãn binh.
- (22) Sau khi thành bị hạ, tướng Pháp giao thành lại, ông Bá đứng nhận. Ông ấy lấy chứng cứ mình ra ngoài hội thương mà đổ trách nhiệm đánh nhau cho một mình quan Tổng đốc, còn mình không dự.
- (23) Phiên đài là quan Bố chính.
- (24) Quan Bố (quên tên) thì chạy lên Sơn Tây rồi trở về Hà Nội, đi lại nhiều lần.
- (25) Đây sắp xuống là lời tác giả tự phụ.
- (26) Bình phong là núi Ngự Bình ở Huế

(các chú thích đánh số trên đây là nguyên chú của PhanKhôi. Đông Pháp thời báo, Sài Gòn, s. 777 (4.10.1928)

VI.Trích bút ký “Đứa con phù sa” của Hoàng Phủ Ngọc Tường để thay lời kết :

...Tôi có đi thăm mộ cụ Hoàng Diệu ở giữa cánh đồng xuân đài.Mộ không bề thế như tôi tưởng,còn

quá nhỏ so với lăng mộ của những viên quan lớn vô tích sự trên triều đình Huế mà tôi vẫn thường thấy. Mộ là một nắm vôi khô nằm vùi giữa đồng cỏ voi , xa khu dân cư nên trong chiến tranh thoát khỏi bị xe Mỹ càn ủi .

Đúng một trăm năm sau ngày Hoàng Diệu tuần tiết, xã đã trùng tu lại nơi yên nghỉ của cụ, quy cách khiêm tốn như nó vốn thế .Tường lăng sơn trắng phơn phớt hồng nổi lên màu lá xanh, bát ngát và trong sáng, đúng là giấc ngủ của người anh hùng. Người sinh ra ở gò nổi để chết dưới chân thành Hà Nội, xương thịt trở về với đất làng mà chính khí vang động sử sách, “trời cao bể rộng đất dày-núi Nùng sông Nhị chôn này làm ghi ”.Trước mặt người ta đọc thấy cặp câu đối viếng của Tôn Thất Thuyết : “nhất tử thành danh ,tự cổ anh hùng phi sở nguyện- bình sinh trung nghĩa ,đương niên đại cuộc khả vô tâm ”(lấy cái chết để thành tên tuổi, xưa nay người anh hùng đâu muốn thế- một thời trung nghĩa lòng không thể hổ thẹn khi nhìn đại cuộc ngày nay )...

Hồi nhỏ nhà nghèo, mẹ chăn tằm dệt lụa nuôi con ăn học. Hoàng Diệu lớn lên bằng tuổi trẻ gian khổ ở làng quê, buổi sáng sớm đi học chỉ súc miệng và nhin đói, trưa về ăn một chén bắp nấu đậu, đến tối cả nhà chia mỗi người một bát cơm .Ngày nghe tin chồng tuần tiết, bà Hoàng Diệu đang cuộc cỏ lá de, ngất xỉu ngay trên bờ ruộng.Làm quan tổng đốc mà là nhà con nghèo đến thế, huống là nhà dân!...